

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN  
ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

SAO Y BẢN CHÍNH

25-03-2014

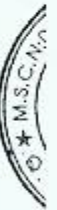
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
K/T CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG



Lương Văn Giang

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 32



### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Công	Ủy viên
Ông Hồ Đức Thanh	Ủy viên
Ông Trần Hữu Ánh	Ủy viên
Ông Lê Văn Điềm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh	Ủy Viên (Bổ nhiệm ngày 25/10/2013)

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Bùi Thị Hằng Nga	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Trần Trung Dũng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Cao Xuân Hải	Thành viên
Bà Lê Thị Thùy Anh	Thành viên

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điềm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM International.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

302361  
CỔ  
TRÁCH N  
KIẾ  
D  
CHI  
H.  
CÁU G

C.  
Y  
ĐIỆN  
ĐÔNG ANH  
CÔNG TY CỔ P  
ĐÔNG ANH

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Trần Văn Quang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

182-Q  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
T. I  
NHÂN  
V. NỘ  
4Y-1

M.S.D.N. : 0100101322

C. P. I  
TP. HÀ NỘI



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52  
www.rsm.com.vn | dtl\_hanoi@rsm.com.vn

Số.10/2014/DTLHN - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**  
**Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thành Lâm**

**Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2013-026-1

**Hoàng Thị Vinh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2013-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội**  
**Thành viên Hãng RSM International**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014*

32  
VG  
T B  
JNG  
JNG  
VG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>765.121.389.923</b>	<b>694.887.230.260</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	48.985.809.485	22.984.404.148
1. Tiền	111		48.985.809.485	22.984.404.148
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		545.600.000	54.900.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.028.000.000	603.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(482.400.000)	(548.100.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		297.719.666.180	279.457.996.117
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	279.162.501.565	218.711.366.883
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	23.449.245.630	49.649.131.068
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	4.4	10.156.231.800	10.156.231.800
4. Các khoản phải thu khác	135	4.5	6.264.688.054	7.787.708.976
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(21.313.000.869)	(6.846.442.610)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	410.189.515.463	388.877.367.376
1. Hàng tồn kho	141		410.189.515.463	389.528.494.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(651.127.094)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.680.798.795	3.512.562.619
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.254.211.048	7.026.716
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.426.587.747	3.505.535.903
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>84.853.719.574</b>	<b>90.845.553.414</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.179.592.990	87.653.112.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	80.782.850.562	83.077.796.234
Nguyên giá	222		216.256.628.556	209.388.006.458
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.473.777.994)	(126.310.210.224)
2. Tài sản cố định vô hình	227		396.742.428	135.924.240
Nguyên giá	228		751.000.000	451.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(354.257.572)	(315.075.760)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.439.392.178
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.096.114.000	3.096.114.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	4.8	3.096.114.000	3.096.114.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		578.012.584	96.326.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		47.012.584	96.326.762
2. Tài sản dài hạn khác	268		531.000.000	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>849.975.109.497</b>	<b>785.732.783.674</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>568.849.572.859</b>	<b>564.000.109.778</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>568.832.641.042</b>	<b>561.940.130.987</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	337.829.129.917	322.225.813.932
2. Phải trả người bán	312	4.10	71.365.405.305	56.873.374.596
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	54.691.472.089	84.010.797.155
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.12	17.977.873.424	10.274.185.192
5. Phải trả người lao động	315		15.326.496.203	9.577.752.607
6. Chi phí phải trả	316		1.064.480.266	832.690.785
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	33.439.139.795	53.167.611.767
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.14	30.054.702.993	18.056.225.656
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.083.941.050	6.921.679.297
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.931.817</b>	<b>2.059.978.791</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	498.750.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.550.319.700
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.931.817	10.909.091
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.15</b>	<b>281.125.536.638</b>	<b>221.732.673.896</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>267.769.809.769</b>	<b>209.607.755.682</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.837.150.000	66.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.284.860.000	8.750.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.360.000.000)	(1.360.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		535.485.797	81.393.518.048
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.113.123.297	12.502.593.627
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		86.938.217.280	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57.420.973.395	42.321.644.007
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.355.726.869</b>	<b>12.124.918.214</b>
1. Nguồn kinh phí	432		13.355.726.869	12.124.918.214
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>849.975.109.497</b>	<b>785.732.783.674</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		177.856,22	283.472,35
- EUR		1.161,28	1.260,22



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.168.974.600.660	661.606.999.809
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	1.168.974.600.660	661.606.999.809
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	893.397.031.248	474.576.074.971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.577.569.412	187.030.924.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.739.345.148	1.550.977.283
7. Chi phí tài chính	22	5.3	40.095.710.862	50.669.322.909
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.341.953.681	45.508.452.054
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	82.407.178.711	46.987.654.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	100.477.053.643	72.293.075.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.336.971.344	18.631.849.782
11. Thu nhập khác	31	5.6	6.120.344.845	30.774.216.803
12. Chi phí khác	32	5.7	4.429.487.775	11.862.223.433
13. Lợi nhuận khác	40		1.690.857.070	18.911.993.370
14. Lãi / lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.027.828.414	37.543.843.152
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	14.615.063.906	11.331.342.819
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.412.764.508	26.212.500.333
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		41.412.764.508	26.212.500.333
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	6.066	4.013



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Người lập

1786  
ÔNG  
NHIỆM  
C/M T  
Đ. T  
H. NH  
I. A. N  
H. A. Y

01  
H. A  
H. A  
01

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.8	56.027.828.414	37.543.843.152
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	16.324.023.864	18.147.239.180
- Các khoản dự phòng	03		13.749.731.165	(427.550.383)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		486.545.713	1.072.259.545
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.807.630.260)	4.835.627.892
- Chi phí lãi vay	06	5.3	33.341.953.681	45.508.452.054
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		117.122.452.577	106.679.871.440
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(39.769.537.317)	89.036.514.630
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(20.661.020.994)	(80.581.547.141)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(24.101.514.057)	(10.046.613.687)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		49.314.178	309.246.093
- Lãi tiền vay đã trả	13	5.9	(33.519.241.728)	(45.685.740.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.817.757.784)	(17.894.913.906)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	4.15.4		4.377.000.000	10.800.000.000
- Chi sự nghiệp	4.15.4		(3.146.191.345)	(3.816.800.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.000.000.000)	(8.784.670.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.466.496.470)	40.015.347.030
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.267.847.475)	(5.987.805.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác	22		702.636.364	2.819.090.909
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.452.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.104.993.896	1.494.004.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.460.217.215)	(222.710.307)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31		40.372.010.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		225.990.543.681	814.314.642.480
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(211.937.547.396)	(847.777.307.205)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15.4	(9.471.400.000)	(9.471.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.953.606.285	(42.934.064.725)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		26.026.892.600	(3.141.428.002)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	22.984.404.148	26.140.598.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.487.263)	(14.766.084)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	48.985.809.485	22.984.404.148



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (trước đây là Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh) được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất Thiết bị điện, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004/QĐBCN ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2005.

Ngày 14 tháng 02 năm 2014, Công ty thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9, theo đó Công ty tăng vốn điều lệ từ 66.000.000.000 VND lên 94.837.150.000 VND, chia thành 9.483.715 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") chiếm 46,25% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 53,75% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ 26, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn như sau:

- Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC; và
- Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC.

Công ty	Các khoản đầu tư ghi nhận tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ		Tỷ lệ cổ phần Công ty mẹ nắm giữ	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Cty TNHH MTV TBLĐ	12.749.290.595	8.420.648.380	100%	100%
Cty TNHH MTV TK và CT TBD	16.864.631.512	2.827.535.426	100%	100%
<b>Cộng</b>	<b>29.613.922.107</b>	<b>11.248.183.806</b>		

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 645 người (Tại ngày 31/12/2012 là 702 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất máy biến áp, dây điện, vật tư, vật liệu, kỹ thuật điện và các sản phẩm thiết bị điện đến 500kV;
- Lắp đặt, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa, trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ thủy đến 250 ata;
- Thí nghiệm điện, chế tạo, cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hoá công nghiệp và dân dụng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

#### 2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP)

#### 2.2 Hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát ("Công ty con"). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty con. Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty mẹ. Các Công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ, các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện cho các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các Công ty con hoặc giữa các Công ty con với nhau được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu chính của 02 Công ty con trong năm 2013 như sau:

	Năm 2013 VND	Tại ngày 31/12/2013 VND
<b>1. Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện</b>		
Lỗ trong năm	(256.718.833)	
Tổng tài sản		28.698.618.647
Tài sản ngắn hạn		24.747.127.119
Tài sản dài hạn		3.951.491.528
Tổng nợ phải trả		17.829.493.564
Nợ ngắn hạn		17.812.561.747
Vốn đầu tư chủ sở hữu		12.749.290.595
Lỗ sau thuế chưa phân phối		(2.068.544.728)
<b>2. Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện</b>		
Lỗ trong năm	(3.955.678.407)	
Tổng tài sản		28.884.202.912
Tài sản ngắn hạn		25.661.435.719
Tài sản dài hạn		3.222.767.193
Tổng nợ phải trả		14.055.102.299
Nợ ngắn hạn		14.055.102.299
Vốn đầu tư chủ sở hữu		16.864.631.512
Lợi nhuận chưa phân phối		(2.456.769.337)

#### 2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

##### 3.1 Tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu từ Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các số dư và nghiệp vụ phát sinh trong nội bộ Công ty đã được loại trừ trong việc lập Báo cáo này. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### 3.3 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân sau từng lần nhập xuất và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

30236  
C  
TRÁCH  
KẾ  
D  
CH  
H  
CÁU G

C.T.P.  
H. N.  
P. N.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

## 3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

### 3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.8 Ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

#### Doanh thu dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

1789  
NG T  
HIỆM H  
M TO  
. T.  
NHÁ  
À NI  
IAY



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

## 3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.9 Hạch toán ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### 3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.12 Thuế

#### Thuế Thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho Cơ quan Thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

#### Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

• Bán thành phẩm máy biến áp	10%
• Dịch vụ sửa chữa	10%
• Dịch vụ vận chuyển	10%
• Bán hàng hóa, vật tư	10%
• Các dịch vụ khác	10%

#### Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2013-C  
Y  
DU HẠN  
ÁN  
NH  
ĐI  
TP. H.

M.S.D.N.: 0100107  
TH. C. P. H.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.13 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



22  
G  
T  
ĐÔNG ANH  
CÔNG  
ĐƠN



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tiền mặt	1.871.464.007	1.297.206.159
Tiền gửi ngân hàng	47.114.345.478	21.687.197.989
<b>Cộng</b>	<b>48.985.809.485</b>	<b>22.984.404.148</b>

**4.2 Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại) VND
<b>Tổng phải thu của khách hàng</b>	<b>279.162.501.565</b>	<b>218.711.366.883</b>
Phải thu các công ty thuộc Tập đoàn Điện Lực	86.957.386.970	64.114.124.189
Phải thu các công ty khác	192.205.114.595	154.597.242.694
<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>(21.313.000.869)</b>	<b>(6.846.442.610)</b>
<b>Cộng</b>	<b>257.849.500.696</b>	<b>211.864.924.273</b>

**4.3 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Trả trước cho các bên thứ ba</b>	<b>23.449.245.630</b>	<b>49.649.131.068</b>
Công ty Passoni & Villa Fabrica (i)	-	20.093.813.000
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Thăng Long	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty Areva T & D Italy Spa (i)	-	3.545.967.000
C/ty TNHH Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật Quốc tế	3.200.568.192	3.200.568.192
Các nhà cung cấp khác	16.848.677.438	19.408.782.876
<b>Cộng</b>	<b>23.449.245.630</b>	<b>49.649.131.068</b>

(i): Đây là khoản ứng trước để thực hiện hợp đồng ủy thác nhập khẩu và tiếp nhận thiết bị cho Viện Năng lượng và thực hiện quyết toán trong năm 2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

Đây là khoản phải thu Công ty TNHH N&S của Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện về việc cung cấp thiết bị đồng bộ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Quảng Tín. Năm 2011, Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo TBD đã tiến hành làm đơn lên Tòa án để kiện Công ty TNHH N&S nhằm giải quyết thu hồi được khoản trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ kiện đã có kết quả và theo kết quả phúc thẩm của Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Nông ngày 10/07/2013 thì Công ty TNHH N&S còn phải thanh toán bổ sung cho Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện giá trị theo hợp đồng là 8.978.715.440 VND (Chưa bao gồm lãi phạt do Công ty TNHH N&S thanh toán chậm theo hợp đồng kinh tế). Các điều chỉnh bổ sung về các khoản doanh thu và chi phí liên quan chưa được điều chỉnh tại Báo cáo hợp nhất này do đánh giá khả năng khó thu hồi. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của Công ty TNHH N&S là 2.350.560.620 VND.

**4.5 Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Phải thu khác của các bên liên quan</b>	<b>326.838.376</b>	<b>326.838.376</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	326.838.376	326.838.376
<b>Phải thu khác của bên thứ ba</b>	<b>5.937.849.678</b>	<b>7.460.870.600</b>
Công ty Cổ phần Cơ điện Đông Anh	430.000.000	500.000.000
Phải thu thuế TNCN từ nhân viên	1.977.023.784	2.074.976.289
Công ty CP ĐTXD Trường Thành	1.556.900.000	3.056.900.000
Phải thu từ bảo hiểm xã hội chờ xử lý	1.128.271.825	1.390.530.009
Các đối tượng khác	845.654.069	438.464.302
<b>Cộng</b>	<b>6.264.688.054</b>	<b>7.787.708.976</b>

**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Hàng đi đường	10.810.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	150.615.111.881	190.370.669.256
Công cụ dụng cụ	634.049.192	823.236.991
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	136.501.114.822	132.930.392.125
Thành phẩm	111.088.897.568	64.268.874.938
Hàng hóa	540.342.000	1.111.177.094
Hàng gửi bán	-	24.144.066
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>410.189.515.463</b>	<b>389.528.494.470</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(651.127.094)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>410.189.515.463</b>	<b>388.877.367.376</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	56.006.101.610	108.147.357.998	24.798.951.747	20.435.595.103	209.388.006.458
Mua sắm mới	-	7.396.010.668	4.343.828.985	2.882.400.000	14.622.239.653
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(47.879.614)	(1.688.342.392)	(114.496.622)	(3.753.601.153)	(5.604.319.781)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(325.111.571)	(1.824.186.203)	(2.149.297.774)
Tại ngày 31/12/2013	55.958.221.996	113.855.026.274	28.703.172.539	17.740.207.747	216.256.628.556
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	36.018.178.104	56.134.808.648	16.324.404.826	17.832.818.645	126.310.210.224
Trích khấu hao	2.615.982.996	10.175.287.430	2.054.293.570	1.363.384.110	16.208.948.106
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(47.879.614)	(1.356.985.248)	(81.425.838)	(3.409.791.862)	(4.896.082.562)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(325.111.571)	(1.824.186.203)	(2.149.297.774)
Tại ngày 31/12/2013	38.586.281.487	64.953.110.830	17.972.160.987	13.962.224.690	135.473.777.994
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2013	19.987.923.506	52.012.549.350	8.474.546.921	2.602.776.458	83.077.796.234
Tại ngày 31/12/2013	17.371.940.509	48.901.915.444	10.731.011.552	3.777.983.057	80.782.850.562

Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá của các TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 28.380.316.488 VND (Tại ngày 31/12/2012 là 32.796.853.702 VND). Không có tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay của ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.8 Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Đầu tư cổ phiếu dài hạn</b>	<b>3.096.114.000</b>	<b>3.096.114.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực	596.114.000	596.114.000
Công ty CP DV SC Nhiệt điện miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.096.114.000</b>	<b>3.096.114.000</b>

Các khoản đầu tư này là các khoản đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết. Các cổ phiếu này có dấu hiệu giảm giá. Tuy nhiên, không một khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn nào được lập do không có bằng chứng chắc chắn để xác định được giá trị hợp lý của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.9 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>264.380.384.530</b>	<b>222.108.650.034</b>
Ngân hàng Công thương Đông Anh	105.806.196.735	138.244.824.488
Ngân hàng Ngoại thương Đông Anh	96.406.111.859	63.675.206.708
Ngân hàng TMCP An Bình	50.200.944.747	20.188.618.838
Ngân hàng TMCP Quân đội	11.967.131.189	-
Vay của CB CNV trong Công ty	71.898.425.687	95.617.163.898
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.550.319.700	4.500.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.550.319.700	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>337.829.129.917</b>	<b>322.225.813.932</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.10 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Phải trả cho bên thứ ba</b>	<b>71.365.405.305</b>	<b>56.873.374.596</b>
Công ty Điện Tân Thế kỷ Trùng Khánh	20.180.323.310	16.951.284.360
Công ty Anhui Anmec	2.023.001.770	2.023.001.770
Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương	-	4.547.590.960
Các nhà cung cấp khác	49.162.080.225	33.351.497.506
<b>Cộng</b>	<b>71.365.405.305</b>	<b>56.873.374.596</b>

**4.11 Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại) VND
<b>Người mua trả trước trong Tập đoàn Điện lực</b>	<b>8.369.649.648</b>	<b>4.017.807.565</b>
Người mua trả trước là bên thứ ba	46.321.822.441	79.992.989.590
Công ty TNHH N&S (i)	5.835.308.080	5.835.308.080
Các công ty khác	40.486.514.361	74.157.681.510
<b>Cộng</b>	<b>54.691.472.089</b>	<b>84.010.797.155</b>

(i): Khoản ứng trước thực hiện sau khi bù trừ một số hợp đồng và hợp đồng kinh tế số 68/TKTBD-NS ngày 06/10/2008 về việc cung cấp thiết bị đồng bộ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Quảng Tín, chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.4 "Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng".

**4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Thuế GTGT phải nộp</b>	<b>7.940.437.440</b>	<b>2.264.857.788</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	399.262.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.094.827.600	4.257.521.478
Thuế thu nhập cá nhân	436.646.206	607.343.921
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	132.982.186	2.315.006.100
Thuế phải nộp khác	372.979.992	430.192.942
<b>Cộng</b>	<b>17.977.873.424</b>	<b>10.274.185.192</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Phải trả về cổ phần hóa	498.750.000	631.177.526
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.705.577.950	28.705.577.950
Tiền hàng CT 35kV & vốn nhập công tơ OLTC	12.570.768.100	12.570.768.100
Quỹ đầu tư PT và các khoản phải trả khác	5.134.809.850	16.134.809.850
Kinh phí công đoàn	1.449.846.689	498.147.090
Phải trả khác	13.784.965.156	23.332.709.201
Vật tư tạm nhập	10.810.000.000	-
Hàng nhận ủy thác - Viện Năng lượng	-	18.316.203.240
Phải trả phải nộp khác	2.974.965.156	5.016.505.961
<b>Cộng</b>	<b>33.439.139.795</b>	<b>53.167.611.767</b>

**4.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Công ty đang trích 5% giá trị các đơn hàng đã tiêu thụ trong thời hạn cam kết bảo hành đã ghi trong hợp đồng mua bán giữa hai bên với thời hạn bảo hành 12 tháng.

**4.15 Vốn chủ sở hữu**

**4.15.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông góp vốn	Giấy Chứng nhận ĐKDN 1.000 VND %		Số vốn đã góp	
			Tại ngày 31/12/2013 1.000 VND	Tại ngày 01/01/2013 1.000 VND
Tập đoàn ĐL Việt Nam	43.857.450	46,25%	43.857.450	29.835.000
Ông Nguyễn Văn Giang	6.746.440	7,11%	6.746.440	1.386.050
Các cổ đông khác	44.233.260	46,64%	43.553.260	34.098.950
Cổ phiếu quỹ			680.000	680.000
<b>Cộng</b>	<b>94.837.150</b>	<b>100%</b>	<b>94.837.150</b>	<b>66.000.000</b>

Ngày 17/10/2013, Ủy ban Chứng khoán đã phê duyệt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu được chào bán bổ sung 2.883.715 cổ phiếu (10.000 VND/cổ phiếu) nâng tổng vốn điều lệ từ 66.000.000.000 VND đến 94.837.150.000 VND, trong đó:

- 2.557.715 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- 326.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

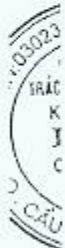
**4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.15.2 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.483.715	6.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.483.715	6.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	68.000	68.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.415.715	6.532.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.15.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
LN thuần phân bổ cho các cổ đông phổ thông	41.412.764.508	26.212.500.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	6.827.166	6.532.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>6.066</b>	<b>4.013</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.15.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn CP		Cổ phiếu quỹ		Vốn khác		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Nguồn kinh phí chi sự nghiệp		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 1/1/2012	66.000.000.000	8.750.000.000	(1.360.000.000)	-	-	54.255.077.503	6.659.005.847	5.141.718.214	68.288.264.654	207.734.066.218							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	26.212.500.333	26.212.500.333							
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	10.800.000.000	-	10.800.000.000							
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.471.400.000)	(9.471.400.000)							
Chia các quỹ	-	-	-	-	-	27.138.440.545	6.784.610.137	-	(33.923.050.682)	(9.471.400.000)							
Trích quỹ KT, PT, thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.784.610.137)	(6.784.610.137)							
Thường ban ĐH	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)							
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(941.022.357)	(3.816.800.000)	(60.161)	(4.757.882.518)							
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>66.000.000.000</b>	<b>8.750.000.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>81.393.518.048</b>	<b>12.502.593.627</b>	<b>12.124.918.214</b>	<b>42.321.644.007</b>	<b>221.732.673.896</b>								
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>66.000.000.000</b>	<b>8.750.000.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>81.393.518.048</b>	<b>12.502.593.627</b>	<b>12.124.918.214</b>	<b>42.321.644.007</b>	<b>221.732.673.896</b>								
Tăng vốn trong năm	28.837.150.000	11.534.860.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40.372.010.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41.412.764.508
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.377.000.000
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.471.400.000)
Chia các quỹ (i)	-	-	-	-	-	6.090.185.029	3.040.092.515	-	(9.120.277.544)	(9.471.400.000)							-
Điều chuyển vốn	-	-	-	-	-	(86.938.217.280)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ KT, PT (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.809.247.602)
Thường ban ĐH (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(6.429.562.845)	(3.146.191.345)	4.087.490.026	(5.488.264.164)							
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>94.837.150.000</b>	<b>20.284.860.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>86.938.217.280</b>	<b>535.485.797</b>	<b>9.113.123.297</b>	<b>13.355.726.869</b>	<b>57.420.973.395</b>	<b>281.125.636.638</b>								

(i): Trong năm, Công ty đã trích quỹ và chi trả cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16/04/2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.168.974.600.660</b>	<b>661.606.999.809</b>
Doanh thu hàng hóa, vật tư	1.019.418.321.807	585.227.682.973
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.952.149.698	63.771.696.786
Doanh thu xây lắp	6.604.129.155	8.205.380.198
Doanh thu khác	-	4.402.239.852
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.168.974.600.660</b>	<b>661.606.999.809</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, vật tư	793.677.278.171	421.243.728.845
Giá vốn dịch vụ cung cấp	94.383.467.525	42.104.955.297
Giá vốn xây lắp	5.987.412.646	7.256.852.653
Giá vốn khác	-	3.713.701.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(651.127.094)	256.837.170
<b>Cộng</b>	<b>893.397.031.248</b>	<b>474.576.074.971</b>

**5.3 Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	33.341.953.681	45.508.452.054
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(65.700.000)	(28.800.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.332.911.468	3.985.411.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	486.545.713	1.072.259.545
Lỗ từ bán chứng khoán ngắn hạn	-	132.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.095.710.862</b>	<b>50.669.322.909</b>

ĐẠI-CHI  
TỔNG  
ĐÔNG ANH  
CTCP

10  
ÔNG  
T  
NG  
T  
AI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.4 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	714.631.737	-
Chi phí bảo hành sản phẩm	14.622.303.613	13.450.754.174
Chi phí quảng cáo	-	535.563.636
Chi phí vận chuyển	27.706.213.500	18.332.393.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.531.182.343	11.471.587.550
Chi phí bằng tiền khác	832.847.518	3.197.355.156
<b>Cộng</b>	<b>82.407.178.711</b>	<b>46.987.654.082</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	42.480.564.369	27.330.032.691
Chi phí vật liệu quản lý	2.757.358.002	2.428.716.031
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	491.720.095	777.336.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	892.819.445	1.585.418.327
Thuế và các khoản lệ phí	2.242.872.964	3.487.947.616
Chi phí dự phòng	14.466.558.259	(338.496.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.067.071	880.170.341
Chi phí bằng tiền khác	36.791.093.438	36.141.950.982
<b>Cộng</b>	<b>100.477.053.643</b>	<b>72.293.075.348</b>

**5.6 Thu nhập khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	702.636.364	2.819.090.909
Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	-	23.176.052.909
Lợi nhuận từ Công ty Cột thép Đông Anh	1.479.970.030	-
Thu nhập khác	3.937.738.451	4.779.072.985
<b>Cộng</b>	<b>6.120.344.845</b>	<b>30.774.216.803</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.7 Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	8.406.230.600
Chi phí chuyển nhượng BĐS	-	1.923.928.990
Chi phí từ phạt, bị bồi thường	-	59.870.374
Chi phí phá dỡ, bồi thường giải phóng mặt bằng	4.144.081.891	-
Chi phí khác	285.405.884	1.472.193.469
<b>Cộng</b>	<b>4.429.487.775</b>	<b>11.862.223.433</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

M.S.C.N. - TH F - 2013 - HAN HAN P. H.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.027.828.414</b>	<b>37.543.843.152</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận từ hoạt động SXKD</i>	<i>56.027.828.414</i>	<i>16.291.719.233</i>
<i>Lợi nhuận từ chuyển nhượng BĐS</i>	<i>-</i>	<i>21.252.123.919</i>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận</b>	<b>3.249.388.979</b>	<b>1.825.455.965</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>3.249.388.979</i>	<i>1.825.455.965</i>
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>3.249.388.979</i>	<i>1.303.269.058</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>5.029.359.009</i>	<i>782.062.266</i>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>(1.779.970.030)</i>	<i>(280.961.100)</i>
<i>Tiền phạt thuế</i>	<i>-</i>	<i>802.167.892</i>
<i>Hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	<i>-</i>	<i>522.186.907</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>-</i>	<i>522.186.907</i>
<b>Lợi nhuận (lỗ) sau điều chỉnh</b>	<b>59.277.217.393</b>	<b>39.369.299.117</b>
<i>Lỗ tính thuế Công ty TNHH MTV Lưới Điện năm trước chuyển sang</i>	<i>(3.520.039.636)</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ từ Công ty TNHH MTV Lưới Điện</i>	<i>-</i>	<i>3.761.500.899</i>
<i>Lỗ từ Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện</i>	<i>2.703.077.867</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>-</i>	<i>24.888.000</i>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>58.460.255.624</b>	<b>43.155.688.016</b>
<i>Thuế suất (%)</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>14.615.063.906</b>	<b>10.788.922.004</b>
<i>Điều chỉnh thuế TNDN thiếu năm trước theo Quyết toán thuế năm 2011</i>	<i>-</i>	<i>574.123.648</i>
<i>Ưu đãi 30% tại Công ty Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện</i>	<i>-</i>	<i>(31.702.834)</i>
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>14.615.063.906</b>	<b>11.331.342.819</b>
<i>Thuế TNDN phải trả đầu năm</i>	<i>4.250.494.763</i>	<i>10.814.065.850</i>
<i>Thuế TNDN đã trả trong năm</i>	<i>(9.817.757.784)</i>	<i>(17.894.913.906)</i>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>9.047.800.885</b>	<b>4.250.494.763</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế TNDN phải trả cuối năm</i>	<i>9.094.827.600</i>	<i>4.257.521.478</i>
<i>Thuế TNDN nộp thừa từ Công ty con</i>	<i>47.026.715</i>	<i>7.026.715</i>

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế của từng công ty trong Nhóm Công ty.

02/236  
 TRÁCH  
 KẾ  
 Đ  
 C  
 T  
 CAU  
 KẾ TÍNH TOÁN NG L/A  
 C.P. 104

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	119.074.015.608	80.572.486.467
Chi phí nguyên vật liệu	775.544.653.539	353.795.750.315
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.423.151.192	1.236.867.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.180.776.561	16.862.097.717
Thuế và các khoản lệ phí	2.242.872.964	3.487.947.616
Dự phòng phải thu, hàng tồn kho	13.749.731.165	(427.550.383)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.692.574.218	57.966.917.121
Chi phí bằng tiền khác	67.373.488.355	80.362.288.082
<b>Cộng</b>	<b>1.076.281.263.602</b>	<b>593.856.804.401</b>

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.13 "Công cụ tài chính".

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.985.809.485	22.984.404.148
Phải thu khách hàng và phải thu khác	285.427.189.619	226.499.075.859
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.028.000.000	603.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.096.114.000	3.096.114.000
<b>Cộng</b>	<b>338.537.113.104</b>	<b>253.182.594.007</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn	337.829.129.917	323.776.133.632
Phải trả người bán và phải trả khác	104.804.545.100	110.539.736.363
Chi phí phải trả	1.064.480.266	832.690.785
<b>Cộng</b>	<b>443.698.155.283</b>	<b>435.148.560.780</b>

789-0  
 NG TY  
 HIỆM HỮU  
 A TOÁN  
 T.Đ  
 NHẬN  
 A NỘI  
 4Y-7  
 01/01/2013



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	177.856,22	283.773,77
Phải thu khách hàng	USD	307.876,69	1.594.774,56
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả nhà cung cấp	USD	(1.530.035,30)	(1.209.231,39)
<b>Nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(1.044.302,39)</b>	<b>669.316,94</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	1.161,28	1.260,22
Phải thu khách hàng	EUR	48.842,88	-
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả nhà cung cấp	EUR	(151.298,00)	-
<b>Nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>EUR</b>	<b>(101.293,84)</b>	<b>1.260,22</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Phải thu khách hàng	CNY	27.410,00	27.410,00
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
		-	-
<b>Tài sản trả tài chính thuần</b>	<b>CNY</b>	<b>27.410,00</b>	<b>27.410,00</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Phải thu khách hàng	JPY	226.110,50	-
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả nhà cung cấp	JPY	-	(187.000,00)
<b>Tài sản trả tài chính thuần</b>	<b>JPY</b>	<b>226.110,50</b>	<b>(187.000,00)</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có nhiều khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi như trình bày tại Thuyết minh số 4.2 "Phải thu của khách hàng".

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,39 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>433.099.491.080</b>	<b>2.049.069.700</b>	<b>435.148.560.780</b>
Vay và nợ	322.225.813.932	1.550.319.700	323.776.133.632
Phải trả người bán và phải trả khác	110.040.986.363	498.750.000	110.539.736.363
Chi phí phải trả	832.690.785	-	832.690.785
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>443.698.155.283</b>	<b>-</b>	<b>443.698.155.283</b>
Vay và nợ	337.829.129.917	-	337.829.129.917
Phải trả người bán và phải trả khác	104.804.545.100	-	104.804.545.100
Chi phí phải trả	1.064.480.266	-	1.064.480.266



**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.

**Bán hàng**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 (Trình bày lại) VND
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	485.426.371.134	302.574.624.343
<b>Cộng</b>	<b>485.426.371.134</b>	<b>302.574.624.343</b>

**Các khoản phải thu**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại) VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	326.838.376	326.838.376
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực	86.957.386.970	64.114.124.189
<b>Cộng</b>	<b>87.284.225.346</b>	<b>64.440.962.565</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)**

*Phải trả bên liên quan*

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại) VND
<b>Phải trả Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>		
Phải trả dài hạn khác	-	498.750.000
Cổ phiếu trả chậm	-	498.750.000
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	17.705.577.950	28.705.577.950
Tiền hàng CT 35kV & vốn nhập công tơ OLTC	12.570.768.100	12.570.768.100
Quỹ đầu tư phát triển và các khoản phải trả khác	5.134.809.850	16.134.809.850
<b>Các Công ty thuộc Tập đoàn Điện Lực</b>		
Người mua trả tiền trước	8.369.649.648	4.017.807.565
<b>Cộng</b>	<b>26.075.227.598</b>	<b>33.222.135.515</b>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm 2013 khoảng 3,9 tỷ VND (Năm 2012 khoảng 2,2 tỷ VND).

**Giao dịch chia cổ tức và tăng vốn trong năm**

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.15 "Vốn chủ sở hữu".

**6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngoài sự kiện Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 9 ngày 14/2/2014 nâng tổng vốn điều lệ tăng từ 66.000.000.000 VND lên 94.837.150.000 VND, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội. Một số số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Người lập